

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 8 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Phạm Xoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tố N** - Sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: K89/ H, tổ 21 phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: 18/ N, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Trần Hải N** - Sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: K89/ H, tổ 21 phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Hải N đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 2x, quyển số I/07 ngày 12 tháng 3 năm 2007). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại K89/ H, tổ 21 phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đến nay. Trong quá trình chung sống, đến năm 2013 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình, lời nói của vợ chồng không hợp nhau, giữa vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau, về kinh tế thì anh N không chia sẻ cùng tôi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

- Về quan hệ con chung: Tôi và anh Trần Hải N có 02 con tên: Trần An N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x và Trần Xuân N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x.

Ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi 2 con. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ngày 16/6/2022, tôi bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, nhưng sau đó tôi và anh Trần Hải N đã tự giải quyết chia xong phần tài sản chung. Ngày 01/8/2022 tôi có đơn rút yêu cầu đối với phần chia tài sản chung. Tôi xác định giữa tôi và anh N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và anh Trần Hải N không có nợ chung.

*** Bị đơn là ông Trần Hải N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với phần trình bày của cô Nguyễn Thị Tố N về thời gian, điều kiện kết hôn. Tôi thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể nói chuyện, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống nhưng bản thân tôi vẫn có trách nhiệm với con cái, gia đình. Nay cô N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho cô được ly hôn với tôi, tôi xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi không thể hàn gắn được nữa, tôi thuận tình ly hôn với cô Nguyễn Thị Tố N.

- Về quan hệ con chung: Tôi và cô Nguyễn Thị Tố N có 02 con chung tên Trần An N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x và Trần Xuân N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x.

Ly hôn, tôi không chấp nhận yêu cầu của cô N là nuôi cả 02 con chung. Nguyện vọng của tôi là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nếu không được thì tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần An N, cô N nuôi dưỡng cháu Trần Xuân N. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Tôi và cô Nguyễn Thị Tố N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và cô Nguyễn Thị Tố N không có nợ chung .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Hải N có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ K89/ H, tổ 21 phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Hải N đăng ký kết hôn vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà N và ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N và ông N đều thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của bà N và ông N là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

- Về con chung: bà N và ông N xác định có 02 người con tên: Trần An N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x và Trần Xuân N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x.

Ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con, bà N cho rằng ông N không có trách nhiệm với con, đánh đập, ngược đãi con. Từ trước đến nay các con đều do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên 2 con ở với bà sẽ đảm bảo hơn ở với ông N, các con cũng đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ông N không chấp nhận giao 2 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con hoặc nuôi cháu An N, ông N cho rằng bản thân ông cũng có trách nhiệm với con, ông đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, thực tế từ trước đến nay ông vẫn là người đưa đón con đi học, ông vẫn nấu ăn được. Việc bà N cho rằng ông đánh đập, ngược đãi con hoàn toàn không có. Ông N không chấp nhận giao 2 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà N và ông N thì thấy: theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Bà N và ông N đều có nghề nghiệp ổn định, ông N có nhà ở, nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn đảm bảo. Việc bà N cho rằng ông N đánh đập, la mắng con, không có trách nhiệm với các con nhưng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy không thể chấp nhận yêu cầu của bà N là giao hai con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, mà cần chấp nhận yêu cầu của ông N là mỗi người nuôi dưỡng một người con là phù hợp, đối với cháu Trần Xuân N được 6 tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần An N là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà N và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Ngày 16/6/2022, bà Nguyễn Thị Tố N bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Ngày 01/8/2022 bà N có đơn rút yêu cầu đối với phần chia tài sản chung. Tại phiên tòa, bà N và ông N đều xác định tài sản chung

không có. Việc rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ chung: Bà N và ông N xác định không có nợ chung.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu: 300.000đ.

Bà rút yêu cầu về việc chia tài sản chung nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Hải N; Về con chung: đề nghị giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Xuân N, ông N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần An N, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông N xác định không có. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo qui định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản chung cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 39, Điều 40, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố N về việc: “*Ly hôn, nuôi con*” đối với ông Trần Hải N

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Hải N.

2. Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Hải N xác định có 02 người con tên: Trần An N – sinh ngày xx tháng xx năm 201x và Trần Xuân Nxx– sinh ngày xx tháng xx năm 201x.

Xử: Giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Xuân N; Giao ông N trực tiếp nuôi dưỡng con Trần An N cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Tố N đối với ông Trần Hải N. Bà N, ông N không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tố N, ông Trần Hải N không có nợ chung.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Tố N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình bà N đã nộp theo biên lai thu số 5784 ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nga đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Tố N số tiền tạm ứng án phí tranh chấp dân sự: 1.256.250đồng (Một triệu hai trăm năm sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 5922 ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường T, Q. Hải Châu
- TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Anh